



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ  
Phòng Thông tin - Văn hóa  
Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh  
Hà Nội, Việt Nam  
(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

TRUNG TÂM DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN QUỐC TẾ  
TẠP CHÍ "CẢI CÁCH KINH TẾ NGÀY NAY", SỐ 1, 2000

## SỰ THỊNH VUỢNG TRONG NỀN KINH TẾ TOÀN CẦU

John D. Sullivan

*John D. Sullivan là Giám đốc Điều hành của Trung tâm Doanh nghiệp Tư nhân Quốc tế (goi tắt là CIPE). Bài báo này được ông viết trong thời gian làm việc tại Bucharest, Jakarta, Lima, Vienna và Washington nhằm phản ánh những triển vọng của nền kinh tế toàn cầu và tầm hoạt động của CIPE đã tiến tới phạm vi toàn thế giới.*

Thay thế cho Chiến tranh Lạnh, toàn cầu hóa có thể được xem như một đấu trường quan trọng để tranh luận về những giá trị mà dựa vào đó các xã hội, quốc gia và các tổ chức quốc tế cần được thiết lập dựa vào những giá trị này. Quá trình toàn cầu hóa mới đây đang ngày càng được tiến triển nhanh vì một số lý do, trong đó bao gồm cả làn sóng chuyển sang hướng dân chủ gần đây nhất. Sau sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản ở Đông và Trung Âu, nhiều nước theo chế độ độc đoán trước đây đã dần đi theo chế độ dân chủ và quay trở lại tham gia vào kinh tế quốc tế. Trên thực tế, những nước đang cố gắng cản trở quá trình toàn cầu hóa nhận thấy rằng họ có thể làm được như vậy chỉ khi họ hạn chế tự do chính trị và tự do kinh tế, từ đó hạn chế dân chủ và thị trường. Nói một cách thẳng thắn hơn, toàn cầu hóa chỉ có thể bị cản trở khi phủ nhận cả mong muốn tự do trên toàn thế giới.

Toàn cầu hóa là sự thiết lập nhiều mối quan hệ quốc tế và đồng thời là quá trình thay đổi. Làn sóng về toàn cầu hóa bắt đầu từ sau Thế chiến II đã được hình thành bằng một loạt những quy tắc hay các thể chế quốc tế, từ những qui tắc và thể chế được cả thế giới biết đến như Ngân hàng Thế giới, cho đến những tổ chức ít có tiếng tăm hơn như Tổ chức Quốc tế về Tiêu chuẩn hóa. Mặc dù quá trình này đã bị đình trệ trong nhiều giai đoạn và mới chỉ tăng nhanh trong vòng 50 năm trở lại đây và hiện nay thì nó đã khác một cách cơ bản so với những những giai đoạn đầu trong lịch sử thế giới. Việc xây dựng một hệ thống thương mại quốc tế dựa trên quy tắc, việc tăng cường hội nhập các thị trường tài chính và sự phát triển của các thể chế mới khác đã và đang tạo ra một hệ thống kinh tế quốc tế khác hẳn so với hệ thống vốn có trước đây. Thay vào đó, bước tiến và định hướng trong tương lai về toàn cầu hóa trên phương diện rộng hơn sẽ phụ thuộc vào những lựa chọn mang tính tập thể của chính phủ các nước trong việc quyết định có tiếp tục xây dựng những luật chơi mang tính thể chế như thế hay không.

Trên phương diện là một quá trình thay đổi, toàn cầu hóa có liên quan đến tốc độ ngày càng tăng về giao dịch thương mại và những thay đổi nhanh chóng về kỹ thuật. Các hướng của toàn cầu hóa song song với những giai đoạn sớm hơn khi những tiến bộ về kỹ thuật như điện tín và điện thoại đã làm giảm một cách đáng kể những chi phí và thời gian tiến hành giao dịch. Mặt khác, quá trình thay đổi không thể hiểu một cách đầy đủ ở mức độ của một công ty. Như Charles Oman đã chỉ ra trong một cuộc phỏng vấn với tờ Cải cách Kinh tế Ngày nay, sự kiện kỹ thuật mới đã thay đổi mô hình thương mại cơ bản và đã giúp cho việc tổ chức xã hội. Một điều thú vị trong một báo cáo mới đây của tờ World Steel Dynamics là việc dự báo vào cuối thập kỷ này ngành thép, một dấu ấn kinh tế trước kia

nguyên Internet sẽ tiến hành giao dịch thương mại điện tử khoảng  $\frac{1}{4}$  lượng thép cung cấp cho thế giới hàng năm. Những thay đổi trong mô hình giao dịch thương mại này, gắn liền với những môi trường thể chế mới, có nghĩa rằng một sự chuyển đổi cơ bản đã xảy ra từ kỷ nguyên công nghiệp sang một kỷ nguyên mới mà hình thức của nó vẫn còn đang tiếp tục được xây dựng.

Đồng thời mỗi một quốc gia sẽ phải quyết định việc tham gia vào quá trình toàn cầu hóa như thế nào. Những nước phát triển và đang phát triển cũng đều phải thông hiểu các điều kiện với việc nhanh chóng hội nhập thị trường, đầu tư tài chính ngày càng tăng cũng như việc sử dụng kỹ thuật một cách rộng rãi. Thậm chí cả những nước với nền kinh tế mở, nhỏ bé cũng không nhất thiết bị đẩy ra ngoài bởi những lực lượng quốc tế ngoài tầm kiểm soát của họ. Kinh nghiệm cho thấy khi thành phần tư nhân và nhà nước làm việc với nhau họ có thể tiến tới những thể chế hay chương trình cho phép công dân của họ tranh thủ được những lợi ích của toàn cầu hóa và những cơ hội mà nó mang lại cho tăng trưởng kinh tế. Một loạt những thách thức và nguồn tham khảo được đưa ra trong số báo này nhằm giúp cho khối nhà nước cũng như khối tư nhân xác định được những thể chế nào và những chương trình nào họ cần đến.

Việc không hội nhập được vào hệ thống toàn cầu dựa trên các quy tắc cũng có những tác động xấu: kinh nghiệm của nền kinh tế chuyên chính trước đây ở Trung và Đông Âu, trong đó có cả Liên Xô, không chỉ đơn thuần là kết quả của một tư tưởng bị thất bại. Nó còn cho thấy những cố gắng nhằm thay thế nền kinh tế thị trường đầy tính cạnh tranh bằng những kế hoạch đầu tư theo định hướng của nhà nước không có tính bền vững. Hơn nữa, những cố gắng của các đảng viên đảng cộng sản trong việc tạo ra hệ thống thương mại riêng của họ thông qua nền Kinh tế Cộng sản COMECON là một thất bại thảm hại. Đồng thời, chính sự thất bại của nền kinh tế chuyên chính là kết quả của việc nó tách rời những thử thách và những lợi ích của nền thương mại mở mang tính quốc tế, ích lợi của chuyên giao công nghệ và khả năng tiếp cận thị trường vốn.

## Toàn cầu hóa ở mức độ nào?

Nhìn chung, toàn cầu hóa thể hiện sự hòa nhập ngày càng tăng của nền kinh tế thế giới, dựa vào 5 xu hướng thay đổi mang tính tương quan, bao gồm:

- Thương mại quốc tế (những hàng rào thương mại thấp hơn và cạnh tranh hơn)
- Các nguồn tài chính (đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, chuyển giao công nghệ/giấy phép, đầu tư ngân hàng và các khoản nợ)
- Truyền thông (truyền thông theo cách truyền thống và Internet)
- Những kỹ thuật tiên tiến trong vận chuyển, điện tử, cơ khí và những lĩnh vực liên quan khác.
- Tính biến động của dân số, đặc biệt là về lao động

Mỗi một xu hướng này đều tăng nhanh trong những năm gần đây và nó tăng cường những lĩnh vực khác.

Mới đây, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc, ông Kofi Annan đã công bố một báo cáo tổng thể về thiên niên kỷ qua có tựa đề "Vai trò của Liên Hiệp Quốc trong thế kỷ 21". Ông đưa ra một bức tranh toàn cảnh về những thay đổi xảy ra trên toàn thế giới trong vòng 50 năm qua từ khi toàn cầu hóa bắt đầu nổi lên. Trong phần giới thiệu của báo cáo này, Tổng Thư ký Anan đã miêu tả các góc độ của toàn cầu hóa như sau:

Vào thời điểm Liên Hiệp Quốc được thành lập, có tới  $\frac{2}{3}$  trong số thành viên các nước thành viên của Liên Hiệp Quốc ngày nay còn chưa tồn tại như những quốc gia độc lập chủ quyền, người dân của các nước này khi đó vẫn đang phải sống dưới chế độ nô lệ. Thế giới này khi đó mới chứa đựng 2,5 tỉ người chứ không phải là 6 tỉ người như hiện nay. Điều đó cho thấy mọi thứ đã thay đổi như thế nào. Xuất khẩu trên toàn thế giới cũng đã tăng gấp 10 lần kể từ năm 1950, thậm chí ngay sau những điều chỉnh về lạm phát và hiện vẫn

liên tục tăng nhanh hơn GDP của thế giới. Đầu tư nước ngoài cũng tăng lên một cách nhanh chóng, lượng hàng bán của các công ty đa quốc gia vượt một khoảng cách ngày càng tăng so với kim ngạch xuất khẩu của thế giới. Trao đổi ngoại tệ cũng đạt tới hơn 1.5 ngàn tỷ mỗi ngày, so với mức 15 tỷ đô la vào năm 1973. Đây chính là thế giới của quá trình toàn cầu hóa - một bối cảnh mới và một sự liên kết mới giữa các nhà kinh tế và giữa các hoạt động kinh tế trên toàn thế giới.

Đề cập đến vấn đề này thảng thắn hơn, Willard Workman, Phó Chủ tịch Văn phòng Quốc tế Hoa Kỳ, lưu ý rằng "Khi toàn cầu hóa đang ngày càng tiến tới, nó đang làm thay đổi một cách cơ bản mối quan hệ giữa khối nhà nước và tư nhân, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp hóa. Ngân hàng Chase Manhattan (một trung tâm giao dịch ngân hàng cỡ trung cũng có thể xử lý trong 11 phút các giao dịch tài chính quốc tế (nếu tính bằng giá trị đồng đô la Mỹ) vượt ngân sách viện trợ nước ngoài hàng năm của Nhật Bản, Liên minh châu Âu và Hoa Kỳ cộng lại".

### **Thương mại cũng là một trong những xu hướng thay đổi**

Sự tăng trưởng thương mại thế giới trong thế kỷ qua là một mặt hữu hình của toàn cầu hóa. Trong khi có một thời gian dài giữa Thế chiến II và Thời kỳ Đại Suy thoái thương mại đã đi xuống, thì kể từ khi kết thúc chiến tranh tự do hóa thương mại đang ngày càng tăng lên thông qua việc cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan. Việc thành lập Hiệp ước Chung về Thương mại và Thuế quan (gọi tắt là GATT) và tiền đề cho quá trình thể chế hóa vào Tổ chức Thương mại Thế giới (gọi tắt là WTO), GATT đã và đang là lực lượng chính trong sự tăng trưởng của thương mại thế giới. Hiện nay, WTO đã có 138 nước thành viên, hơn 30 nước đang trong tiến trình hội nhập. Hai trong số này đáng chú ý nhất đó là Trung Quốc, nước xem ra đang tiến gần hơn cả và Nga là nước đang theo đuổi một cách tích cực để gia nhập tổ chức này. Các vòng đàm phán trong tương lai trong phạm vi WTO rõ ràng là rất khó khăn. Tuy nhiên việc WTO trở thành cơ sở nền móng cho một hệ thống thương mại toàn cầu mới cũng hết sức rõ ràng.

Tăng trưởng trong thương mại rất đáng chú ý. Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tính theo tỷ lệ phần trăm của cả thế giới tăng từ 8,7% năm 1913 lên 12,1% năm 1973 và gần như tăng gấp ba đạt 23,6% năm 1996. Thậm chí tính bằng tổng thương mại xuất khẩu với nhập khẩu thì con số đạt được năm 1970 là 28% tổng thương mại thế giới, nhưng tính đến năm 1998 con số này đã tăng lên 45%. Tổng thương mại hiện nay gần như xấp xỉ một nửa con số của cả thế giới, điều đó thể hiện một cách rõ ràng việc hội nhập giữa các nước đã đạt tới mức nào.

Tất nhiên, những con số này vẫn chưa phản ánh được sự khác biệt rất lớn giữa những nước rõ ràng có trong danh sách về phương thức giao dịch thương mại quốc gia thể hiện trong "Chỉ số của Toàn cầu hóa Kinh tế" ở cuối số báo này và trong tổng kết tại bảng 1 dưới đây. Các bảng bắt đầu bằng 2 dãy số về thương mại. Dãy thứ nhất là thương mại hàng hóa (xuất khẩu và nhập khẩu) tính theo phần trăm tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Chỉ số này cho biết nhìn nhận chung về tầm quan trọng của thương mại như thế nào đối với mỗi nước và các nước khác nhau sẽ tham gia như thế nào vào nền kinh tế quốc tế.

Sự khác biệt lớn giữa các nước có thu nhập thấp hầu như nằm ở Châu Phi so với các nước có thu nhập trung bình và thu nhập cao là rất đáng kể. Những nước nghèo có xu hướng không có khả năng tham gia vào hệ thống thương mại quốc tế và thu hút lượng đầu tư và vốn tư nhân cũng ít hơn rất nhiều. Vì vậy, rõ ràng toàn cầu hóa là một thử thách đáng kể đối với các nước này.

Bảng 1- Các chỉ số Toàn cầu hóa Kinh tế năm 1998*				
	Thương mại hàng hóa theo % của GDP	Thương mại hàng hóa theo % của GDP hàng hóa	Tổng đầu tư vốn của thành phần tư nhân theo % của GDP	Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo % của GDP
<b>Theo thu nhập</b>				
Thu nhập thấp	8.3	62.5	2.0	0.9
Thu nhập bình quân	22.1	98.9	6.4	1.6
Thu nhập cao	38.3	95.1	22.2	5.7
<b>Theo khu vực</b>				
Châu Á-Thái Bình Dương	15.5	98.1	4.0	1.3
Trung, Đông Âu và Trung Á	21.1	106.4	3.8	1.0
Mỹ Latinh và Vùng Caribê	19.1	74.5	7.1	2.5
Trung Đông/Bắc Phi	17.4	80.5	7.3	0.9
Nam Á	4.8	40.5	0.9	0.1
Cận-Saharan Châu Phi	16.8	99.5	4.9	0.7
Tổ chức đồng tiền chung Châu Âu	54.4	106.4	32.2	6.1

Nguồn tin: Ngân hàng Thế giới, Chỉ số Phát triển Thế giới năm 2000. \* Tính theo sức mua hàng hóa của đồng US\$. (Phần in nghiêng là dành cho năm khác).

Chỉ số thương mại thứ hai là thương mại hàng hóa: Tỷ lệ phần trăm của hàng hóa theo tỷ lệ phần trăm của GDP thể hiện tỷ lệ sản xuất của nước chiếm bao nhiêu trong nền kinh tế thế giới.

Bằng việc loại trừ những dịch vụ và những thành phần khác của GDP từ con số tổng thể, người ta có thể bắt đầu thấy rằng sản xuất hàng hóa đang thực sự hội nhập trên phương diện toàn cầu. Ví dụ, từ những con số về thương mại theo tỷ lệ phần trăm của GDP có thể kết luận rằng Hoa Kỳ ít chịu ảnh hưởng của toàn cầu hóa hơn, đặc biệt khi so sánh với các nước châu Âu. Tuy nhiên, khi các con số về GDP chỉ hạn chế trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa, thì rõ ràng toàn cầu hóa ảnh hưởng đến Hoa Kỳ ở một góc độ rất lớn. Nói cụ thể hơn, thương mại hàng hóa theo tỷ lệ % của kinh tế Hoa Kỳ chỉ đạt có 19.9%, nhưng thương mại hàng hóa đạt những 78.9% trong sản xuất hàng hóa, cho thấy sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế Hoa Kỳ chiếm một phần lớn trong nền kinh tế toàn cầu.

Về hình thức thương mại nói chung có những khác biệt rõ ràng giữa các khu vực, như chúng ta có thể thấy cũng trong bảng 1. Tuy nhiên cũng có một số điều đáng ngạc nhiên. Có thể dễ dàng nhận thấy Châu Phi đứng ngoài hệ thống thương mại thế giới cũng như việc châu Á, tham gia vào thương mại thế giới. Trừ một số nước, còn lại Mỹ Latinh đang nhanh chóng tiến tới hệ thống thương mại thế giới. Chỉ cần nhìn qua các con số của Mỹ Latinh cũng có

thể nhận biết rằng còn nhiều chỗ cho tăng trưởng trong khu vực, vì nó còn đứng xa sau Đông Á. Mặt khác, việc tham gia của Nam Á vào thương mại thế giới đang ở mức thấp hơn các nước Mỹ Latinh và rất nhiều nước trong khu vực Đông Á cũng đang nhanh chóng tiến đến hội nhập vào thương mại thế giới.

### **Đầu tư vốn cũng là một yếu tố thay đổi**

Cũng giống như thương mại quốc tế, trong mấy thập kỷ qua tổng vốn đầu tư giữa các quốc gia đã tăng một cách đáng kể. Trong số những nước có thu nhập cao, theo con số thống kê của Ngân hàng Thế giới, tổng vốn đầu tư trong thập kỷ qua tăng hơn hai lần từ 9.9% năm 1988 lên 22.3% năm 1998.,

Trong những nước thành viên của Hiệp hội Đồng tiền chung Châu Âu, mức vốn đầu tư trung bình đã vượt lên trở thành yếu tố thứ 3, chiếm hơn 30% GDP. Một lần nữa, thực tế ở các nước đang phát triển lại khác hẳn. Theo như các chỉ số toàn cầu thể hiện, những nước có thu nhập thấp mới chỉ thành công trong việc thu hút vốn đầu tư tương đương với khoảng 2% GDP, mà trong đó 0.9% là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (gọi tắt là FDI).

Tuy nhiên điều này cũng đã là một thành công vì nó thể hiện việc vốn đầu tư đã tăng hơn gấp đôi so với con số 0.7% cách đây 10 năm.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài, một phần của đầu tư vốn chung của tài chính tư nhân, đã trở thành một yếu tố có tầm quan trọng một cách đặc biệt trong quá trình toàn cầu hóa. Việc đầu tư tiên tệ vào thị trường chứng khoán và những đầu tư ngắn hạn là rất có ý nghĩa. Tuy nhiên kinh nghiệm gần đây cho thấy những đầu tư dạng này đang có xu hướng ngược lại. Đầu tư trực tiếp nước ngoài có xu hướng ngày càng ổn định hơn, thể hiện cho chiến lược đầu tư lâu dài và những nước được đầu tư nhận được nhiều lợi ích thông qua việc chuyển giao công nghệ, khuyến khích trao đổi mậu dịch và thúc đẩy tăng trưởng. Trên một số phương diện, việc một nước thu hút được bao nhiêu vốn đầu tư nước ngoài là một chỉ số thể hiện tương lai tốt hơn, thịnh vượng hơn của nền kinh tế. Như chúng ta có thể thấy từ bảng 2 dưới đây, tình hình đã thay đổi trong những thập kỷ gần đây.

<b>Bảng 2. Những điểm đến của Đầu tư trực tiếp nước ngoài (theo 1.000US\$)</b>						
	1987-1992 Trung bình năm	%	1995	%	1998	%
Các nước phát triển	136.628	78.74	208.372	63.36	460.431	71.51
Các nước đang phát triển	35.326	20.36	106.224	32.30	165.936	25.77
Trung/Đông Âu	1.576	0.91	14.266	4.33	17.513	2.72
<b>Thế giới</b>	<b>173.530</b>		<b>328.862</b>		<b>643.879</b>	

Nguồn tin: Báo cáo Đầu tư Thế giới, Hội nghị của Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD)

Những nước đang phát triển đang ngày càng trở thành điểm hấp dẫn cho đầu tư trực tiếp nước ngoài, như thể hiện ở cả hai tỷ lệ trong tổng vốn đầu tư. Tuy nhiên đã có một số tranh luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài. Những thị trường nổi lên hàng đầu liên tục thu hút một tỷ lệ lớn của đầu tư trực tiếp nước ngoài. Điều đó dẫn đến một số khía cạnh quan trọng của những xu hướng hiện tại trong nền kinh tế thế giới để có thể kết luận rằng những nước đang phát triển còn lại sẽ bị loại ra khỏi những lợi ích của đầu tư vốn và sẽ mãi phải chịu sự phân loại thấp hơn.

Một điều cần phải luôn ghi nhớ khi nhìn vào những điểm đến cơ bản của FDI đó là việc ngày càng có thêm nhiều bằng chứng cho thấy con số của Trung Quốc có thể đã được tính cao hơn một phần ba so với thực tế. Điều này do một thực tế rằng các hằng của Trung Quốc đã đầu tư vốn ra nước ngoài, sau đó lại mang trở lại dưới dạng FDI, một công việc mà người ta gọi đó là "Quay vòng". Ngoài ra, khoảng một phần ba nữa có thể từ cộng đồng người Hoa tại nước ngoài đầu tư vào những tỉnh ở Trung Quốc mà họ có những liên hệ về lịch sử, gia đình và ngôn ngữ. Điều này có nghĩa rằng khoảng 1/3 còn lại mới thực sự được coi là FDI. Mặc dù có vấn đề này, Trung Quốc vẫn là điểm đầu tư lớn của FDI vì phạm vi thị trường của nước này rất lớn và vì cả những đổi mới kinh tế mà nước này đưa ra, ít nhất là cho những tỉnh giáp biển năng động.

Tuy nhiên, việc nhìn vào FDI theo tỷ lệ phần trăm của GDP có thể là một cách thực tế để đánh giá những xu hướng này. Những nước nghèo và những nước quá nghèo bị hạn chế về khả năng thu hút đầu tư. Mặc dù việc tăng đầu tư vào những nước này là hoàn toàn có thể, khi đó không nhất thiết phải cân nhắc việc áp dụng cách làm có thực tế hay không. Nhìn nhanh vào những chỉ tiêu toàn cầu vào cuối vấn đề này cho thấy rất nhiều nước trong số này đã nhận được vốn đầu tư nước ngoài rất đáng kể tính theo tỷ lệ phần trăm của GDP. Ví dụ, FDI vào Brasil năm 1998 đạt 32% GDP, trong khi FDI vào Trung Quốc chỉ đạt có 1.3% GDP. Nếu nhìn vào xu hướng chung, đặc biệt FDI vào Châu Phi và những nước nghèo khác thì rõ ràng là rất nhiều nước có thể thu hút nhiều đầu tư hơn so với mức họ nhận được như hiện nay.

Thu hút vốn FDI đang trở thành một chiến lược mạnh mẽ của các nước đang phát triển, theo UNCTAD nêu ra trong Báo cáo Đầu tư Thế giới năm 1999: "FDI và những Thủ thách Phát triển" (tiêu đề trong trang Web của Liên Hiệp Quốc). FDI cho phép các nước được tiếp cận với kỹ thuật tiên tiến và vốn. Quan trọng hơn, nó mang lại khả năng quản lý hiện đại và liên kết với thị trường của các nước tiên tiến và phát triển. Những mối quan hệ thị trường này đặc biệt quan trọng. Theo nghiên cứu mới đây do UNCTAD tiến hành cho thấy thương mại giữa các chi nhánh của các công ty đa quốc gia (gọi tắt là MNC) có thể đạt đến tỷ lệ 1/3 mậu dịch thế giới. Giao dịch này còn được gọi là trao đổi mậu dịch liên ngành (có nghĩa là buôn bán trong khuôn khổ MNC) và chỉ có thể tiếp cận thông qua đầu tư của các MNC vào những nước đang phát triển. Tất nhiên, thử thách đó là làm cách nào quản lý được những đầu tư này để làm tăng khả năng cạnh tranh của nước chủ nhà bằng cách kết nối đầu tư với những công ty trong nước. Về khía cạnh này, báo cáo của UNCTAD là rất đáng tham khảo đối với những nước này nhằm tìm kiếm cơ hội tiếp cận những FDI cao hơn, thương mại tăng hơn mà nó có thể tạo ra.

**Bảng 3. Những điểm đến của FDI trong số những nước đang phát triển và có nền kinh tế chuyển đổi  
(theo UD\$)**

	1995	1998	1995	1998
Trung Quốc	35.849	45.460	Balan	3.659
Mêhicô	9.526	10.238	Chilê	2.977
Achentina	5.279	5.697	Thái lan	2.068
Brazil	5.475	28.718	Ấn Độ	2.144
Hungary	4.453	1.935	Cộng hòa Séc	2.561
Indônêisia	4.346	356	Pêru	2.056
Malaysia	4.178	3.727	Nga	2.016

Nguồn tin:Theo Báo cáo Đầu tư Thế giới của UNCTAD

Ngoài những lợi ích của FDI, các nước cũng cần phải tập trung vào việc cái gì thu hút FDI vào nước họ. Một bản danh sách do Phòng Thương mại Hoa Kỳ xây dựng có tựa đề "12 lời khuyên" cho đầu tư trực tiếp nước ngoài, có thể tham khảo ở trang 12. Trên thực tế, khi bản danh sách này đem so sánh với những thử thách về toàn cầu hóa và danh sách các nguồn như được minh họa ở cuối bài này, có thể dễ dàng nhận thấy chúng phản ánh lẫn nhau. Bản danh sách nhìn nhận thế giới từ những khả năng của các hàng toàn cầu đánh giá các cơ hội, trong khi danh sách các thử thách cũng nhìn vào thế giới đó từ góc độ khả năng của các nước đang tìm cách tham gia vào các hàng quốc tế trong khi làm tăng lợi ích quốc gia.

## Truyền thông và Công nghệ

Sự thịnh vượng về kinh tế, đặc biệt là thương mại, các con số thống kê được khái quát trên đây đã đưa ra một bức tranh tương đối toàn diện về các khía cạnh này của toàn cầu hóa. Các chiều hướng phát triển của truyền thông và công nghệ đang trở nên khó nắm bắt. Tuy nhiên, hai vấn đề này đang ngày càng được các học giả và các tổ chức quốc tế quan tâm. Theo Jeffrey Sachs, các nước được chia theo các phân loại sau: đổi mới về công nghệ, áp dụng công nghệ và loại trừ công nghệ. (theo tờ *The Economist*, 24/6/2000). Theo Sachs, số nhà cải cách chiếm 15% tổng dân số của thế giới, tuy nhiên nhóm này cung cấp tất cả những đổi mới về công nghệ trên toàn thế giới. Nhóm ứng dụng công nghệ chiếm một nửa dân số thế giới và có khả năng ứng dụng những công nghệ này một cách thành công trong sản xuất và tiêu dùng. Số còn lại không có sự liên hệ nào với kỹ thuật hay có một sự đổi mới nào trong nước hay ứng dụng những công nghệ nước ngoài, dẫn chứng này có thể xem ở Bảng 4.

Đơn vị Điều tra Kinh tế mới đây đã xem xét rất nhiều những số liệu này trong một nghiên cứu về mức độ mà các nước đang sẵn sàng cho thương mại điện tử (xem bảng 5). Nghiên cứu này kết hợp những đánh giá về mối liên hệ với môi trường thương mại chung để đưa ra một sự xếp loại về tính sẵn sàng áp dụng thương mại điện tử. Một điều không đáng ngạc nhiên đó là nghiên cứu cho thấy Hoa Kỳ và các nước Bắc Âu đứng đầu trong danh sách. Nói một cách rộng hơn, nghiên cứu cho thấy Nhật Bản đứng sau những nước như Ireland và Israel, thể hiện điểm yếu tiềm tàng về kinh tế trong tương lai.

Phần lớn các nước đang phát triển đều đứng ở cuối danh sách cả về mối liên hệ cũng như hạ tầng cơ sở nói chung. Điều này cho thấy vấn đề toàn cầu hóa không được mạnh mẽ nếu như không muốn nói là còn quá ít. Ví dụ, Ấn Độ, một nước có khả năng rất mạnh về trí tuệ cũng như về chuyên môn về lĩnh vực này ở Thung lũng Silicon Hoa Kỳ và vùng Bangalore của nước mình cũng đứng cuối bảng. Lý do ở đây là trong khi rất nhiều nước đang phát triển như Ấn Độ có thể chứa đầy tiềm năng, thì môi trường kinh doanh của họ phải chịu chi phí về tin viễn thông rất đắt đỏ cũng như các vấn đề không toàn diện. Điều này đã làm nảy sinh nhiều thử thách cho những nước phát triển và đang phát triển.

## Các quy tắc và hệ thống quốc tế

Cuốn tiểu thuyết của George Orwell năm 1994 đã miêu tả một xã hội trong tương lai trong đó những quốc gia độc lập sẽ hợp thành ba chính phủ siêu khu vực cho phép họ kiểm soát công dân của mình thông qua việc ứng dụng một phương tiện kỹ thuật chưa từng có. Một số tác giả khác và một số nhà tương lai học cũng đã nêu hoặc miêu tả ẩn tượng về việc thành lập một số hình thức chính quyền thế giới mà sẽ đưa ra việc tổng kiểm soát và không tưởng, đôi khi và cả hai yếu tố này cộng lại.

Không một dự đoán nào trong số này có vẻ như đang trở thành hiện thực. Thay vào việc chứng kiến sự tăng trưởng trong siêu quyền theo chế độ đa đảng, thế giới đang chứng kiến một cam kết mới mẻ về hệ thống kinh tế và chính trị dựa trên cơ sở tự do, dân chủ cá nhân và kinh tế theo hướng thị trường. Cũng có lý do chính đáng để tin rằng trong một thế giới toàn cầu hóa, nơi mà cạnh tranh quốc gia phụ thuộc vào kiến thức, phát minh và sự cởi mở, giá trị tự do của một xã hội dân chủ là yếu tố quan trọng đối với chức năng của thị trường.

<b>Bảng 4. Thông tin và Truyền thông (tính trên 1,000 dân)</b>				
	Điện thoại di động	Máy fax	Máy tính cá nhân	Máy chủ Internet
Thu nhập thấp	8	0,9	6,2	0,3
Thu nhập trung bình	39	1,9	37,4	13,4
Thu nhập cao	265	72,3	311,2	607,6
Hoa Kỳ	256	78,4	458,6	1.508,8

Số liệu lấy từ *Chỉ số Phát triển của Thế giới năm 2000*, *Ngân hàng Thế giới*, *Hiệp hội Bưu chính Viễn thông Quốc tế*, *Báo cáo về Phát triển Bưu chính Viễn thông của Thế giới năm 1999*, *Hiệp hội về Phần mềm Internet*, trang web [www.isc.org](http://www.isc.org). Số liệu từ năm 1998 hoặc 1999.

<b>Bảng 5. Kỹ thuật và Toàn cầu hóa điện tử</b> (cho một số nước)				
Mỹ	8,8	Thái Lan	6,1	
Thụy Điển	8,6	Balan	6,1	
Phần Lan	8,6	Mêhico	5,9	
Anh	8,4	Indônêxia	5,6	
Singapo	8,3	Philippin	4,9	
Hồng Kong	8,3	Pêru	4,7	
Ailen	8,2	Ai Cập	4,6	
Đức	8,2	Ấn Độ	4,5	
Pháp	8,1	Trung Quốc	4,4	
Israen	7,8	Pakistan	4,0	
Nhật Bản	7,7	Iran	3,3	
Chilê	7,4	Nigiêria	3,3	
Hàn Quốc	7,2	Irắc	2,0	
Achentina	6,6			

Số liệu lấy từ *Đơn vị Điều tra Kinh tế*, trên trang web [www.ebusinessforum.com](http://www.ebusinessforum.com)

Như đã đề cập trên đây, tất cả các quốc gia đều phải quen thuộc với những điều kiện về hội nhập thị trường một cách nhanh chóng, đầu tư tài chính ngày càng tăng và việc sử dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật. Đáng lưu ý rằng, những nước có chủ quyền đã đáp ứng với toàn cầu hóa bằng việc bắt đầu thay đổi hóa việc trao đổi kinh tế sao cho tất cả các thành viên đều tuân theo những qui tắc như nhau. Cụ thể, một số lớn các nước thuộc về các tổ chức đa biến đưa ra những tiêu chuẩn chung về nhiều lĩnh vực khác nhau của trao đổi kinh tế và quan trọng hơn họ đã thống

nhất được các điều luật. Những tổ chức này chưa trở thành hình thức thống trị thế giới, mà những nước này mới đang là những tổ chức tách biệt thiết lập nên những quy tắc cho việc giải quyết những vấn đề trong phạm vi của họ. Những tổ chức này bao gồm WTO, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Tổ chức Tiêu chuẩn Hóa Quốc tế và Ngân hàng Giao dịch Quốc tế.

Vì lợi ích xây dựng một hệ thống thương mại trên cơ sở có quy tắc và lành mạnh trong đó mỗi một nước - phát triển hoặc đang phát triển - đều thực sự công bằng về chỗ đứng, các nước cần phải hợp tác với nhau xóa bỏ những tập quán không công bằng. Trong một bài phát biểu mới đây trước hội nghị quốc tế "Khủng hoảng về nợ trong hệ thống tài chính toàn cầu mới", Axel Van Trotsenberg, chuyên gia của Ngân hàng Thế giới về những nước đang lâm vào cảnh khủng hoảng nợ, đã tổng kết một cách đơn giản nhưng theo những thuật ngữ rất mang tính thuyết phục như sau:

Việc tiếp tục những cản trở xuất khẩu đối với những nước nghèo như hiện nay, đặc biệt là về sản phẩm nông nghiệp, trở thành một trở ngại cho việc phát triển những mặt hàng xuất khẩu có tiềm năng của họ. Trong bối cảnh này, cần ghi nhớ rằng những nước thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế hàng năm đã bỏ ra xấp xỉ khoảng 300 triệu USD để trợ giúp nông nghiệp - tương đương với GDP hàng năm của Châu Phi. Điều này không có nghĩa gì với những nước đã công nghiệp hóa trong việc xóa nợ và viện trợ cho các nước nghèo trong khi đó vẫn phủ nhận hoàn toàn hoặc có hạn chế đối với sản phẩm của các nước này tiếp cận thị trường khác. Đã có quá nhiều bàn luận về vấn đề gây dựng một chế độ tự cung tự cấp và chấm dứt việc phụ thuộc vào viện trợ nhưng những hành động thực tế để đạt được mục tiêu này thì lại còn quá ít. Mở cửa thị trường cho những nước nghèo nhất có thể là những dấu hiệu tốt của những cam kết đối với những nước bị cô lập hay yếu nhất trong chúng ta và để thực sự giúp đỡ họ trên con đường từ phụ thuộc vào viện trợ đến độc lập để phát triển. Điều này cũng là trọng tâm đối với việc duy trì các khoản nợ của một nước.

Một việc thú vị đó là WTO được xây dựng trong khuôn khổ các qui tắc đã được chấp nhận mà rất phù hợp với những nhận xét của Van Trotsenberg. Xem trang 18 về những qui tắc chính của WTO, những qui tắc này là trọng tâm của hệ thống, như John Howard đã chỉ ra trong bài viết của ông trên tờ *Economic Reform Today* với tựa đề "Tại sao thương mại mở là yếu tố quan trọng đối với phát triển kinh tế" (xem *Economic Reform Today*, số 3, 1997, trên trang [www.cipe.org](http://www.cipe.org)).

Mặc dù còn rất nhiều điểm cần phải cải thiện đối với các nước đang phát triển, nói một cách công bằng thì quan sát của Van Trotsenberg là rất đúng khi đưa ra những nhận xét. Nếu những nước công nghiệp không sẵn sàng thích ứng với những qui tắc của WTO thì các nước đang phát triển hay đang có nền kinh tế chuyển đổi không thể bị đỗ lõi trong việc từ chối tiếp tục thương lượng về việc giảm thuế và mở cửa thị trường mà bỏ qua những thị trường xuất khẩu lớn của họ.

## Những thách thức của toàn cầu hóa

Con đường và định hướng tương lai cho toàn cầu hóa sẽ phụ thuộc vào những quyết định mà chính phủ các nước đưa ra trong việc định hình những qui tắc tương lai cho các tổ chức quốc tế. Phần lớn các cuộc tranh luận về toàn cầu hóa xuất phát từ những cảm nhận hoặc nhận thức rằng luật chơi đang áp đặt bởi người khác, hoặc là các tổ chức tài chính thế giới, các công ty đa quốc gia, các nước công nghiệp lớn, hoặc tất cả các nhóm này hợp lại. Trong khi các nhóm này rõ ràng có tiếng nói lớn trong hệ thống quốc tế mới nổi lên, việc thất bại trong cuộc họp cuối cùng của WTO tại Seattle thể hiện các nước đang phát triển có thể và nhất định có một ảnh hưởng lớn đối với tương lai. Mới đây, một số cuộc họp của các nước công nghiệp với lãnh đạo các nước đang phát triển đã được tiến hành nhằm cố gắng giải quyết những bế tắc này. Hơn nữa, xu hướng mới đây về việc thành lập những nhóm thương mại khu vực hay nhóm thương mại song phương như Mercosur (bao gồm Argentina, Brazil, Chile, Paraguay và Uruguay) sẽ được tiến hành nhanh hơn.

Mỗi nước đều phải đổi mới với một sự lựa chọn mang tính chiến lược trong nỗ lực làm cho việc toàn cầu hóa trở thành lợi ích của nhân dân. Các nước đều cố gắng sử dụng một loạt những công cụ mang tính bảo vệ làm giảm những tác động của toàn cầu hóa đối với những tổ chức trong nước hiện có, kể cả khu vực tư nhân, các công ty quốc doanh, các đoàn thể và các xã hội khác. Hoặc là họ có thể lựa chọn mở cửa nền kinh tế với sự tham gia vào hệ thống quốc tế rộng lớn hơn. Sự lựa chọn này sẽ mang đến sự cạnh tranh lớn hơn cho các công ty quốc tế. Tuy nhiên nó cũng sẽ làm tăng đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ và nếu các giai đoạn đều được tiến hành tốt, sẽ làm tăng trưởng kinh tế nhanh hơn, sự lựa chọn giữa hai chiến lược này đang là yếu tố trung tâm của những tranh cãi mang tính chính trị trong các nước.

Ấn Độ đang ngày càng hiểu rõ ý nghĩa của những tranh cãi này, do những người muốn tăng nhanh tốc độ phát triển kiên quyết đòi hỏi việc áp dụng những kỹ thuật mới, tư nhân hóa các công ty quốc doanh, phá bỏ việc bảo hộ cho nhiều công ty không có khả năng cạnh tranh của Ấn Độ và mở cửa để tăng vốn đầu tư nước ngoài. Sau những tranh cãi ngày càng kéo dài, chính phủ nước này đã quyết định chọn việc mở cửa cho thành phần viễn thông, lo ngại rằng những hạn chế đang áp dụng như hiện nay sẽ kìm hãm thương mại điện tử của Ấn Độ và kìm hãm những cuộc cách mạng về công nghệ thông tin. Nhờ vào quyết định mang tính chiến lược này, Ấn Độ đang ngày càng thu hút được đầu tư nước ngoài cũng như tránh được nạn chảy máu chất xám chứng kiến những công dân đầy trí tuệ và triển vọng rời bỏ đất nước vì thiếu cơ hội phát triển. Ngày nay, Ấn Độ đã cam kết tăng cơ hội giáo dục và tạo môi trường cho phép người dân xây dựng đất nước mình vào lực lượng kinh tế toàn cầu, như một việc cần phải làm.

Thành công khác nhau giữa những nước như Ấn Độ, Ireland, Mêhicô, Ba Lan và Đài Loan. Nó thể hiện các nước có thể định hướng chiến lược của quốc gia của mình như thế nào để nắm bắt được những sức ép về toàn cầu hóa và biến chúng thành những ưu điểm. Trong khi mỗi một quốc gia sẽ phải thiết lập được chiến lược độc đáo của nước mình, có 4 yếu tố chính phải giải quyết được bằng việc cộng tác giữa các khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, đó là:

1. Cải cách để phát triển và duy trì những thể chế ủng hộ thị trường mở, dân chủ thì nước đó mới có thể đứng vững trong hàng ngũ toàn cầu hóa.
2. Các chính sách để phát triển hoặc ứng dụng những đổi mới về công nghệ để nước đó đạt được những công nghệ mũi nhọn cần thiết cho tính cạnh tranh quốc gia.
3. Những qui tắc rõ ràng về thương mại và đầu tư vốn nhằm đảm bảo rằng đất nước đó có khả năng tham gia một cách đầy đủ vào các cấu trúc thương mại trong khu vực cũng như quốc tế.
4. Hình thành khối đồng minh giữa các nước nhằm đẩy mạnh những hiệp ước chung về thương mại khu vực hay thế giới một cách công bằng và đảm bảo rằng những thị trường mới nổi được WTO và các tổ chức quốc tế khác đối xử một cách công bằng, như vậy tất cả các nước đều được hưởng một sân chơi như nhau.

## Tồn tại trong nền kinh tế toàn cầu

Đối với những người nhìn nhận tương lai trong việc hội nhập vào nền kinh tế thế giới, trao đổi thông tin ngày càng nhanh, những tiến bộ kỹ thuật, toàn cầu hóa có vẻ như đang mang lại hy vọng cho tiến bộ nhân loại. Một số khác lại e ngại về chính những thay đổi này như học giả người Pháp, Dominique Moisi, viết trong tờ *Financial Times* mới đây (27/9/1999), "Những bất bình này xuất phát từ việc lo sợ bị cuốn vào một nền văn hóa đồng đều một cách nhân tạo và lo sợ bị bỏ lại trong một thế giới ngày càng nhiều những bất công". Những thách thức mà các nước phát triển cũng như đang phát triển đang gặp phải là làm thế nào để trả lời những lo ngại này bằng cách thành lập một chế độ cai trị mang tính cùng tham gia một cách cởi mở hơn ở mức quốc gia cũng như quốc tế.

Để có thể thu được những lợi ích từ việc toàn cầu hóa, các nước phải đổi mới với những thách thức lớn trong nước cũng như quốc tế nhưng không phải là không vượt qua được. Những nước đang phát triển, thậm chí những nước có những thị trường mới mẻ đều phải điều chỉnh những vai trò của nhà nước và thị trường, như Tổng thống Ernesto Zedillo và Bộ trưởng Bộ Tài chính Mêhicô đã chỉ ra ở một bài trong số báo này. Thông qua việc tư nhân hóa và bãi bỏ qui định, nhà nước cần phải giảm bớt vai trò là một nhà sản xuất trong khi tăng cường vai trò là một nhà cung cấp cho những thể chế ủng hộ thị trường dân chủ và hoạt động tốt.

Theo Amartya Sen, người được giải thưởng Nobel, sự tranh cãi về dân chủ hóa đã lại nhầm vào việc các nước có phù hợp với dân chủ hay không và làm thế nào để các nước có thể phù hợp thông qua dân chủ. Thậm chí ở các nước mà vẫn tồn tại chế độ độc tài và ở những nước nơi dân chủ vẫn đang phải chịu áp lực, nơi công dân của họ tán thành mục tiêu lâu dài là việc xây dựng và tăng cường dân chủ. Việc áp dụng và thực hiện một cách rộng rãi các giá trị dân chủ như sự minh bạch và tính trách nhiệm đã thúc đẩy một hệ thống kinh tế chính trị một cách cởi mở và trên cơ sở có qui tắc. Xu hướng này, cùng với những cuộc cách mạng đổi mới thông tin, cải cách theo hướng thị trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc dân chủ hóa, cải cách theo hướng thị trường và tăng cường hội nhập kinh tế.

Ngoài ra, những nước phát triển còn rất nhiều việc phải làm để thúc đẩy một nền kinh tế toàn cầu bình đẳng và dựa trên quy tắc. Nói cụ thể hơn, như Đại diện Thương Mại Mỹ Charlene Barshefsky đã lưu ý trong bài phát biểu của bà, những hiệp định của các tổ chức thương mại khu vực và thế giới cần được làm cho dân chủ hơn, minh bạch hơn, công bằng hơn và được tăng cường một cách liên tục. Những nước phát triển cần phải cởi mở đối với các mặt hàng xuất khẩu từ những nước đang phát triển và sau nữa là hàng xuất khẩu của các nước trong Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế.

Toàn cầu hóa không phải là giải pháp cho các vấn đề của thế giới, nó cũng không nên bị lo sợ như nguồn cho tất cả những yếu kém mà rất nhiều nước nghèo đang phải gánh chịu. Ngược lại, nó vừa là một quá trình thay đổi và là một dãy những quan hệ quốc tế đang được xây dựng. Một vài năm tới sẽ là thời gian cho những thử thách lớn cho việc xây dựng nên những mối quan hệ này.

## Những qui tắc được WTO chấp nhận

*Không phân biệt đối xử trong thương mại.* Điều này có nghĩa là các nước thành viên của WTO thống nhất dành cho nhau những đối xử công bằng trong thương mại với các nước thành viên (tối huệ quốc) cũng như thương mại trong nước.

*Tiếp cận ngày càng sát và dự đoán được với các thị trường.* Qui tắc này bao gồm cam kết liên tục của thành viên WTO trong việc giảm thuế hoặc không đánh thuế vào thương mại, cũng như tính minh bạch trong luật, các qui định và tập quán của nước đó.

*Cạnh tranh lành mạnh.* Trong khi những điều kiện và những hạn chế về thương mại tự do vẫn tồn tại, những qui tắc và thủ tục áp dụng của các nước thành viên của WTO phải lành mạnh và không phân biệt đối xử.

*Phát triển và cải cách kinh tế.* Hơn  $\frac{3}{4}$  trong số hơn 150 nước thành viên của WTO là thuộc các nước đang phát triển và những nước đang trong quá trình cải cách nền kinh tế từ nước có hệ thống phi thị trường. Những nhượng bộ thương mại ngày càng được tăng cường, cùng với những linh hoạt cần có cho phù hợp với qui tắc của WTO được đưa ra trong rất nhiều các lĩnh vực.

Theo tin từ trang Web [www.wto.org](http://www.wto.org)

## "12 lời khuyên cho Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài"

1. Một chính sách kinh tế vĩ mô ổn định và có khả năng dự đoán. Các công ty cần phải có niềm tin rằng nền kinh tế mà trong đó họ đang đầu tư vào sẽ được quản lý theo một phương pháp hữu hiệu và có thể dự đoán. Nói một cách đơn giản hơn, các nhà đầu tư phải tin tưởng rằng luật chơi sẽ không bị thay đổi giữa chừng.
2. Một chính phủ trung thực và có hiệu quả. Một nhà đầu tư cần phải có thể tin tưởng vào sự thống nhất của chính phủ nước chủ nhà và khả năng của chính phủ đó trong việc duy trì trật tự và luật pháp.
3. Một thị trường lớn và ngày càng được mở rộng. Phạm vi và tiềm năng cho tăng trưởng thị trường trong nước của một nước, đặc biệt là sức mua của khách hàng là chủ chốt. Các công ty không tìm kiếm đầu tư vào thị trường nơi khả năng lợi nhuận thấp.
4. Tự do hoạt động trong thị trường. Sức mạnh của sự cạnh tranh cũng như mức độ can thiệp của chính phủ (của họ và của chúng ta) vào thị trường trong nước, là những yếu tố quan trọng. Thị trường càng tự do bao nhiêu thì càng trở nên hấp dẫn bấy nhiêu như một địa điểm đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài.
5. Giảm thiểu các qui định của chính phủ. Chi phí cho các qui định và can thiệp của chính phủ vào những vấn đề và lợi nhuận của các công ty tư nhân cần phải ở mức tối thiểu.
6. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Các công ty cần phải được bảo vệ. Việc đánh cắp những tài sản thực sự không thể thiếu của một công ty (như bằng sáng chế, bản quyền, v.v.) phải được tránh.
7. "Cơ sở hạ tầng" đáng tin cậy. Khả năng giao dịch tối đa và đạt được việc mang sản phẩm và dịch vụ thâm nhập thị trường là quan trọng nhất. Liệu vấn đề vận chuyển, cung cấp điện, bảo hiểm và những dịch vụ kế toán, một hệ thống tài chính hữu hiệu hay những yếu tố cơ bản khác có đáng tin cậy hay không, đầu tư không thể có hiệu quả hoặc không cho ra các khoản tiền đáng tin nếu thiếu những dịch vụ này.
8. Phải có sẵn các yếu tố sản xuất có chất lượng cao. Trong khi các nhà đầu tư mang lại vốn, trình độ quản lý và kỹ thuật thì chất lượng của lực lượng lao động địa phương và sự sẵn có vật chất thô cho sản xuất là những thành phần cốt yếu của bí quyết thành công.
9. Mệnh giá cao của đồng tiền địa phương. Đồng tiền địa phương phải giữ giá trị của nó. Nếu đầu tư bằng đô-la sau đó những tài sản (tính bằng tiền địa phương) bị xuống giá, như vậy bạn sẽ bị thâm hụt một phần hoặc có thể toàn bộ đầu tư bằng đồng đô-la ban đầu.
10. Khả năng chuyển lợi nhuận, lãi cổ tức hoặc lãi xuất. Các công ty sẽ không có lý do gì để đầu tư nếu như họ không thể chuyển được tiền ra nước ngoài.
11. Môi trường thuế thuận lợi. Mặc dù những ưu tiên về thuế nhằm thu hút đầu tư ban đầu là rất quan trọng, quyết định đầu tư cuối cùng của một công ty hoàn toàn phụ thuộc vào việc đánh thuế của đất nước đó có ảnh hưởng như thế nào đối với môi trường hoạt động bình thường một khi dự án kinh doanh bắt đầu được vận hành.
12. Tự do hoạt động giữa các thị trường. Một công ty phải có khả năng tìm nguồn hàng hóa và dịch vụ từ những đơn vị đang hoạt động của công ty đó nhằm phục vụ những thị trường khác hoặc để tối đa hóa hiệu quả toàn cầu bằng cách trao đổi mậu dịch với những đơn vị của công ty mình đang hoạt động ở nhiều nước để lưu chuyển các sản phẩm của mình.

### CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TOÀN CẦU NĂM 1998

	Thương mại hàng hóa tính bằng tỷ lệ % của GDP	Thương mại hàng hóa tính bằng tỷ lệ % của GDP	Tổng vốn đầu tư của thành phần tư nhân tính bằng % của GDP	Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Chỉ số của tỷ lệ hội nhập thương mại **
<b>Thu nhập</b>					
Thu nhập thấp	8,3	62,5	2,0	0,9	
Thu nhập trung bình	22,1	98,9	6,4	1,6	
Thu nhập cao	38,3	95,1	22,3	5,7	
<b>Khu vực</b>					
Châu Á/ Thái Bình Dương	15.5	98.1	4.0	1.3	
Trung Đông Âu/Trung Á	21.1	106.4	3.8	1.0	
Mỹ Latinh/Vùng Caribe	19.1	74.5	7.1	2.5	
Trung Đông/Bắc Phi	17.4	80.5	7.3	0.9	
Nam Á	4.8	40.5	0.9	0.1	
Cận sa mạc Sahara - Châu Phi	16.8	99.5	4.9	0.7	
T/c đồng tiền chung Châu Âu	54.4	106.4	32.2	6.1	
<b>Những nước phát triển</b>					
Phân Lan	69.2	127.1	62.6	35.5	3.7
Pháp	46.3	116.6	22.8	5.5	2.8
Đức	55	67.3	36.7	5.8	2.4
Nhật Bản	21.3	49.5	20.7	1	3.5
Sing-ga-po	269.1	690.8	57.6	13.5	
Vương quốc Anh	48.1	81.4	47.2	18.5	2.8
Hoa Kỳ	19.9	78.9	10.3	4.6	5.3
<b>Nước đang phát triển ở Châu Á</b>					
Trung Quốc	8.3	49.8	2.3	1.3	3.5
Bangladesh	7	56.1	0.8	0.2	7.2
Ấn Độ	3.9	33.6	0.9	0.1	4.5
In-đô-nê-xi-a	15.2	134.9	4.4	0.9	3.2
Triều Tiên	35.6	146.7	13.2	1.6	5.3
Ma-lai-xi-a	70.1	307.6	7.6	2.6	6.3
Phi-líp-pin	22.1	186.9	3.6	0.7	6.8
Thái Lan	26.7	153.2	5.9	2.1	4.2
<b>Khối Trung Đông/Bắc Phi</b>					
Ai Cập	10.2	43.4	3.8	0.6	-0.7
I-ran	8.4	73.9	1.1	0	-4.2
Jordan	31.4	175.9	2.1	2.0	4.9
Ma Rốc	18.1	96.1	1.1	0.4	2.6
<b>Cận Sa Mạc Sahara-Châu Phi</b>					
Bồ Đào Nha	42.4	178.6	4.6	1.1	-3.6
Bờ Biển Ngà	31.4	135.9	2.4	1.9	1.1
Ghana	13.0	320.8	0.6	0.2	3.6
Kenya	17.6	86.5	3.3	0.0	3.9
Nigéria	18.9	60.2	4.1	1.1	1.5
Uganda	7.1	35.8	1.0	0.8	1.7
Zambabwe	37.3	141.6	-----	-----	-0.7

**Mỹ La tinh/Caribe**

Áchentina	12.9	48.4	6.2	1.9	9.0
Braxin	9.9	30.4	9.3	3.2	6.5
Chilê	24.7	83.5	13.9	5.7	4.2
Côlumbia	10.4	53.8	3.3	1.5	6.5
Ecuado	25.7	125.9	4.5	2.3	1.9
Haiti	8.9	-----	1.5	0.1	8.4
Mêhicô	32.9	153.9	3.4	1.4	9.4
Vênêzuêla	24.0	81.2	13.3	3.7	3.0

**Trung/Đông Âu**

Albani	10.9	42.4	1.9	0.5	15.8
Bungari	22.8	133.6	2.9	1.0	-13.4
Cộng hòa Séc	43.5	-----	7.2	2.0	11.0
Hunggari	42.4	185.5	7.7	2.3	5.1
Ba Lan	26.4	99.0	5.9	2.5	13.9
Rumani	15.1	83.8	3.0	1.6	6.6
Slôvakia	45.5	324.5	6.8	1.7	9.1

**Các quốc gia độc lập mới**

Acmênia	13.2	-----	5.5	2.7	-12.7
Bêlarút	24.1	109.6	1.3	0.2	-6.7
Kazâcstan	18.2	126.4	3.6	1.7	6.8
Nga	14.0	101.4	1.9	0.4	6.6
Ucraina	18.7	126.3	2.8	0.5	7.8

\*1998 tính trên cơ sở sức mua của đồng USD. Phần in nghiêng là phần số liệu lấy của năm khác.

\*\* Lưu ý: Chỉ số này là sự tăng trưởng trong thương mại thực trừ đi tăng trưởng GDP thực, từ 1988-1998. Con số này cho thấy nền kinh tế đang tiến ở mức độ nào so với hệ thống thương mại toàn cầu.

Nguồn tin: Ngân hàng Thế giới, Chỉ số Phát triển Thế giới Năm 2000.